TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 07 - 2026
V/v Ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Kiên, bà Nguyễn Thị Tường Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên toà;

Ngày 01 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2026 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1014/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 1012/2026/QĐST- HN ngày 16/06/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C; Sinh năm: 1954

Số căn cước công dân: 038054022364

Địa chỉ: Thôn N (N là thôn V) , xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1953

Địa chỉ: Thôn N (N là thôn V) , xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt ông C và bà H (Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/05/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953 cùng trú tại thôn N, xã V, tỉnh Thanh Hóa kết hôn với nhau từ năm 1978 cưới hỏi theo phong tục địa phương. Ông và bà H không đăng ký kết hôn với nhau tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống với nhau do có nhiều mâu thuẫn không thể chung sống nên ông và bà H đã sống ly thân với nhau từ năm 1995 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó đến nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là Trần Văn C1, sinh ngày 16/05/1979; Trần Thị L, sinh ngày 05/11/1980 và Trần Thị L1, sinh ngày 05/06/1983. Đến nay các con đều đã thành niên và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của bà H trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với bà Nguyễn Thị H. Bà H cư trú tại xã V, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng bà H vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà H theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà H cũng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Bà Nguyễn Thị H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ông Trần Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt ông C và bà H.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có con chung, cùng xây dựng cuộc sống gia đình. Mặc dù hai bên không đăng ký kết hôn nhưng việc chung sống được xác lập trước ngày 03/01/1987. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H được pháp luật công nhận, do ông C có yêu cầu Ly hôn nên Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình. HĐXX xét thấy ông C và bà H trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chỉ chung sống đến năm 1995 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Ông C và bà H đã sống ly thân từ năm 1995 đến nay. Điều

đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Trần Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là Trần Văn C1, sinh ngày 16/05/1979; Trần Thị L, sinh ngày 05/11/1980 và Trần Thị L1, sinh ngày 05/06/1983. Đến nay các con đều đã đủ 18 tuổi, ông C không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông C là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông C là người cao tuổi đã có đơn xin miễn toàn bộ án phí, do đó Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn cho ông Trần Văn C.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H. Ông C và bà H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Phạm Hồng Kiên	**Nguyễn Thị Tường Vân**	**Bùi Văn Hải**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa;
- UBND xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Văn Hải